

QUYẾT ĐỊNH

**Về việc thu hồi đất để thực hiện dự án: Xây dựng cầu Triều và đường dẫn
nối Quốc lộ 18 (thị xã Đông Triều, tỉnh Quảng Ninh) với đường tỉnh 389
(huyện Kinh Môn, tỉnh Hải Dương)**

ỦY BAN NHÂN DÂN THỊ XÃ ĐÔNG TRIỀU

Căn cứ Luật Tổ chức Chính quyền địa phương năm 2015;

Căn cứ Luật Đất đai năm 2013;

Căn cứ Nghị định số 43/2014/NĐ-CP ngày 15/5/2014 của Chính phủ quy
định chi tiết thi hành một số điều của Luật Đất đai;

Căn cứ Thông tư số 30/2014/TT-BTNMT ngày 02/6/2014 của Bộ Tài
nguyên và Môi trường quy định về hồ sơ giao đất, cho thuê đất, chuyển mục
đích sử dụng đất, thu hồi đất;

Căn cứ Nghị quyết số 183/NQ-HĐND ngày 05/7/2019 của Hội đồng nhân
dân tỉnh Quảng Ninh “V/v thông qua danh mục các dự án, công trình thu hồi
đất, có nhu cầu chuyển mục đích sử dụng đất và quyết định chủ trương chuyển
mục đích sử dụng rừng sang mục đích khác trên địa bàn tỉnh đợt 2 năm 2019”;

Căn cứ Kế hoạch sử dụng đất năm 2019 của thị xã Đông Triều được UBND
tỉnh phê duyệt tại Quyết định số 2586/QĐ-UBND ngày 27/6/2019;

Căn cứ Quyết định số 1794/QĐ-UBND ngày 31/8/2018 của UBND thị xã
Đông Triều “Về việc phê duyệt Quy hoạch chi tiết mặt bằng tuyến đường nối
Quốc lộ 18 (thị xã Đông Triều, tỉnh Quảng Ninh) với tỉnh lộ 389 (huyện Kinh
Môn, tỉnh Hải Dương)”;

Xét đề nghị của phòng Tài nguyên và Môi trường thị xã, tại Tờ trình số
5430.../TTr-TNMT ngày 24/7/2020,

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Thu hồi 6,6m² đất ở tại đô thị của ông Nguyễn Văn Khi và bà
Nguyễn Thị Kim Hoa thuộc thửa đất số 373 (một phần thửa đất, diện tích còn
lại sau thu hồi là 138,6m²) thuộc tờ bản đồ số 01 (Bản đồ hiện trạng phục vụ giải
phóng mặt bằng tỷ lệ 1/500 đã được UBND phường Hồng Phong xác nhận) tại
phường Hồng Phong, thị xã Đông Triều.

Lý do thu hồi đất: Để thực hiện dự án: Xây dựng cầu Triều và đường dẫn nối Quốc lộ 18 (thị xã Đông Triều, tỉnh Quảng Ninh) với tỉnh lộ 389 (huyện Kinh Môn, tỉnh Hải Dương).

Điều 2. Giao nhiệm vụ cho các cơ quan và đơn vị tổ chức thực hiện việc thu hồi đất, cụ thể như sau:

1. Chủ tịch UBND phường Hồng Phong có trách nhiệm giao Quyết định này cho ông Nguyễn Văn Khi và bà Nguyễn Thị Kim Hoa; trường hợp ông Nguyễn Văn Khi và bà Nguyễn Thị Kim Hoa không nhận Quyết định này hoặc vắng mặt thì phải lập biên bản; niêm yết Quyết định này tại trụ sở UBND phường Hồng Phong và tại địa điểm sinh hoạt chung của khu dân cư nơi có đất thu hồi.

2. Trung tâm phát triển quỹ đất thị xã có trách nhiệm quản lý chặt chẽ quỹ đất đã thu hồi; thu hồi Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất (nếu có) của hộ gia đình, cá nhân có đất bị thu hồi chuyển về Phòng Tài nguyên và Môi trường thị xã quản lý theo quy định.

3. Phòng Tài nguyên và Môi trường thị xã có trách nhiệm chỉnh lý Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất (nếu có) sau thu hồi.

4. Văn phòng HĐND và UBND thị xã có trách nhiệm đăng Quyết định này trên trang Thông tin điện tử của thị xã.

Điều 3.

1. Quyết định này có hiệu lực thi hành kể từ ngày ký.

2. Cơ quan, cá nhân có tên tại Điều 2 nêu trên chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này. /.

Nơi nhận:

- Thường trực UBND thị xã;
- Như Điều 3; (thực hiện)
- Cơ quan Ủy ban Kiểm tra - Thanh tra; (theo dõi)
- Lưu.

TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
KT. CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH



Nguyễn Văn Bình

Số: 586/QĐ-UBND

Đông Triều, ngày 28 tháng 7 năm 2020

QUYẾT ĐỊNH

Về việc phê duyệt phương án bồi thường, hỗ trợ của hộ gia đình, cá nhân bị thu hồi đất để thực hiện dự án: Xây dựng cầu Triều và đường dẫn nối Quốc lộ 18 (thị xã Đông Triều, tỉnh Quảng Ninh) với đường tỉnh 389 (huyện Kinh Môn, tỉnh Hải Dương)

ỦY BAN NHÂN DÂN THỊ XÃ ĐÔNG TRIỀU

Căn cứ Luật Tổ chức Chính quyền địa phương năm 2015;

Căn cứ Luật Đất đai năm 2013;

Căn cứ Nghị định số 43/2014/NĐ-CP ngày 15/5/2014 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Đất đai;

Căn cứ Nghị định số 47/2014/NĐ-CP ngày 15/5/2014 của Chính phủ quy định về bồi thường, hỗ trợ, tái định cư khi nhà nước thu hồi đất;

Căn cứ Thông tư số 37/2014/TT-BTNMT ngày 30/6/2014 của Bộ Tài nguyên và Môi trường quy định chi tiết về bồi thường, hỗ trợ, tái định cư khi Nhà nước thu hồi đất;

Căn cứ Quyết định số 3000/2017/QĐ-UBND ngày 02/8/2017 của UBND tỉnh Quảng Ninh “Về việc ban hành quy định về bồi thường, hỗ trợ, tái định cư khi Nhà nước thu hồi đất trên địa bàn tỉnh Quảng Ninh”;

Căn cứ Bộ đơn giá bồi thường tài sản đã đầu tư trên đất khi Nhà nước thu hồi đất trên địa bàn tỉnh Quảng Ninh kèm theo Quyết định số 4234/2015/QĐ-UBND ngày 28/12/2015 của UBND tỉnh Quảng Ninh;

Căn cứ Nghị quyết số 183/NQ-HĐND ngày 05/7/2019 của Hội đồng nhân dân tỉnh Quảng Ninh “V/v thông qua danh mục các dự án, công trình thu hồi đất, có nhu cầu chuyển mục đích sử dụng đất và quyết định chủ trương chuyển mục đích sử dụng rừng sang mục đích khác trên địa bàn tỉnh đợt 2 năm 2019”;

Căn cứ Kế hoạch sử dụng đất năm 2019 của thị xã Đông Triều được UBND tỉnh phê duyệt tại Quyết định số 2586/QĐ-UBND ngày 27/6/2019;

Căn cứ Quyết định số 4587/QĐ-UBND ngày 31/10/2018 của UBND tỉnh Quảng Ninh “Về việc phê duyệt dự án đầu tư xây dựng cầu Triều và đường dẫn nối Quốc lộ 18 (thị xã Đông Triều, tỉnh Quảng Ninh) với đường tỉnh 389 (huyện Kinh Môn, tỉnh Hải Dương)”;

Căn cứ Quyết định số 1794/QĐ-UBND ngày 31/8/2018 của UBND thị xã Đông Triều “Về việc phê duyệt Quy hoạch chi tiết mặt bằng tuyến đường nối Quốc lộ 18 (thị xã Đông Triều, tỉnh Quảng Ninh) với tỉnh lộ 389 (huyện Kinh Môn, tỉnh Hải Dương)”;

Căn cứ Quyết định số 4184/QĐ-UBND ngày 04/10/2019 của UBND tỉnh Quảng Ninh “Về việc phê duyệt giá đất cụ thể để tính tiền bồi thường về đất khi Nhà nước thu hồi đất thực hiện dự án: Xây dựng cầu Triều và đường dẫn nối Quốc lộ 18 (thị xã Đông Triều, tỉnh Quảng Ninh) với tỉnh lộ 389 (huyện Kinh Môn, tỉnh Hải Dương)”;

Xét đề nghị của phòng Tài nguyên và Môi trường thị xã, tại Tờ trình số ~~5474~~.../TTr-TNMT ngày ~~24~~.../7/2020,

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1: Phê duyệt phương án bồi thường, hỗ trợ để thực hiện dự án: Xây dựng cầu Triều và đường dẫn nối Quốc lộ 18 (thị xã Đông Triều, tỉnh Quảng Ninh) với tỉnh lộ 389 (huyện Kinh Môn, tỉnh Hải Dương) đối với **53** hộ gia đình, cá nhân bị thu hồi đất và kinh phí thực hiện công tác bồi thường, giải phóng mặt bằng theo quy định với tổng số tiền là: **459.809.000 đồng** (*Bốn trăm năm mươi chín triệu, tám trăm lẻ chín nghìn đồng chẵn*). Trong đó:

- Số tiền bồi thường, hỗ trợ cho 53 hộ gia đình, cá nhân là: **442.124.000 đồng** (*Bốn trăm bốn mươi hai triệu, một trăm hai mươi bốn nghìn đồng chẵn*);

- Kinh phí thực hiện công tác bồi thường, GPMB là: **17.685.000 đồng** (*Mười bảy triệu, sáu trăm tám mươi năm nghìn đồng chẵn*).

(*Có danh sách chi tiết kèm theo*)

Nguồn kinh phí: Từ nguồn Ngân sách Nhà nước.

Điều 2. Căn cứ vào Điều 1 của Quyết định này, Trung tâm phát triển quỹ đất thị xã Đông Triều và hộ gia đình, cá nhân có trách nhiệm:

1. Trung tâm phát triển quỹ đất thị xã Đông Triều có trách nhiệm:

- Phối hợp với UBND phường Hồng Phong phổ biến và niêm yết công khai quyết định phê duyệt phương án bồi thường, hỗ trợ tại trụ sở UBND phường và địa điểm sinh hoạt chung của khu dân cư nơi có đất thu hồi; gửi Quyết định này đến người có đất bị thu hồi.

- Thời gian chi trả tiền bồi thường, hỗ trợ: Phối hợp với UBND phường Hồng Phong tổ chức chi trả tiền công khai cho hộ gia đình, cá nhân đảm bảo đúng chính sách (*trong thời hạn 30 ngày kể từ ngày quyết định thu hồi đất có hiệu lực thi hành*).

- Địa điểm chi trả tiền bồi thường, hỗ trợ: Tại trụ sở UBND phường Hồng Phong.

2. Hộ gia đình, cá nhân có tên trong danh sách có trách nhiệm: Bàn giao diện tích đất đã thu hồi cho Trung tâm phát triển quỹ đất thị xã Đông Triều quản lý theo quy định.

Điều 3. Quyết định này có hiệu lực thi hành kể từ ngày ký;

Các ông (bà): Chánh Văn phòng UBND và UBND thị xã, trưởng phòng Tài chính và Kế hoạch, trưởng phòng Tài nguyên và Môi trường, trưởng phòng Quản lý đô thị, giám đốc Kho bạc Nhà nước, giám đốc Trung tâm phát triển quỹ đất thị

xã, Chủ tịch UBND phường Hồng Phong, thủ trưởng các đơn vị liên quan và hộ gia đình, cá nhân có tên tại danh sách kèm theo Điều 1 căn cứ Quyết định thi hành./ *Handwritten signature*

Nơi nhận:

- Thường trực UBND thị xã;
- Như Điều 3; *(thực hiện)*
- Thanh tra thị xã; *(theo dõi)*
- Lưu.

TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
KT. CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH



Nguyễn Văn Bình

**DANH SÁCH CÁC HỘ GIA ĐÌNH, CÁ NHÂN ĐỦ ĐIỀU KIỆN PHÊ DUYỆT PHƯƠNG ÁN BỒI THƯỜNG, HỖ TRỢ ĐỂ THỰC HIỆN DỰ ÁN:
XÂY DỰNG CẦU TRIỀU VÀ ĐƯỜNG DẪN NỘI QUỐC LỘ 18 (THỊ XÃ ĐÔNG TRIỀU, TỈNH QUẢNG NINH) VỚI
ĐƯỜNG TỈNH 389 (HUYỆN KINH MÔN, TỈNH HẢI DƯƠNG)**

(Kèm theo Tờ trình số: 586 /QĐ-UBND ngày 28 /7 /2020 của Ủy ban nhân dân thị xã Đông Triều)



SỐ TT	THỪA/BÁN ĐÓ	HỌ VÀ TÊN	DT THỰC TẾ THU HỒI (M2)	SỞ TIỀN BỒI THƯỜNG	TRONG ĐÓ		SỐ TIỀN HỖ TRỢ	TỔNG CỘNG SỐ TIỀN BỒI THƯỜNG VÀ HỖ TRỢ (LÀM TRÒN)	TRONG ĐÓ		Ghi chú
					ĐẤT	VẬT KIẾN TRÚC			CHỦ HỘ ĐƯỢC HUỖNG (Đ)	NỘP NGÂN SÁCH ĐỊA PHƯƠNG (Đ)	
1	350+396/01	Hoàng Văn Hưởng	-	9.322.000	-	9.322.000	-	9.322.000	9.322.000		Đất hành lang đường
2	363/01	Nguyễn Thế Huy	-	3.434.000	-	3.434.000	-	3.434.000	3.434.000		Đất hành lang đường
3	351/01	Phạm Ngọc Thắng Nguyễn Thị Xuân	-	2.080.000	-	2.080.000	-	2.080.000	2.080.000		Đất hành lang đường
4	336+374/01	Nguyễn Văn Toàn	-	9.071.000	-	9.071.000	-	9.071.000	9.071.000		Đất hành lang đường
5	331+335/01	Đỗ Thị Nhân	-	17.973.000	-	17.973.000	-	17.973.000	17.973.000		Đất hành lang đường
6	357/01	Nguyễn Văn Kiều Đỗ Thị Sinh	-	4.064.000	-	4.064.000	-	4.064.000	4.064.000		Đất hành lang đường
7	375/01	Nguyễn Xuân Chức	-	1.347.000	-	1.347.000	-	1.347.000	1.347.000		Đất hành lang đường
8	337/01	Nguyễn Văn Quyền Nguyễn Thị Quý	-	3.640.000	-	3.640.000	-	3.640.000	3.640.000		Đất hành lang đường
9	378/01	Phan Thiết Cường	-	1.301.000	-	1.301.000	-	1.301.000	1.301.000		Đất hành lang đường
10	370/01	Lê Thị Tuyết Nhung	-	4.779.000	-	4.779.000	-	4.779.000	4.779.000		Đất hành lang đường
11	329/01	Phạm Đức Hạnh	-	29.509.000	-	29.509.000	-	29.509.000	29.509.000		Đất hành lang đường
12	348/01	Nguyễn Văn Trình Nguyễn Thị Thắm	-	2.041.000	-	2.041.000	-	2.041.000	2.041.000		Đất hành lang đường
13	394/01	Nguyễn Văn Thuấn Nguyễn Thị Chính	-	7.043.000	-	7.043.000	-	7.043.000	7.043.000		Đất hành lang đường
14	330/01	Phạm Thị Vinh	-	11.264.000	-	11.264.000	-	11.264.000	11.264.000		Đất hành lang đường
15	334/01	Bùi Văn Hùng Nguyễn Thị Thanh	-	6.365.000	-	6.365.000	-	6.365.000	6.365.000		Đất hành lang đường
16	347/01	Nguyễn Đức Dy Kiều Thị Hưng	-	9.215.000	-	9.215.000	-	9.215.000	9.215.000		Đất hành lang đường

SỐ TT	THỪA/BÁN ĐÓ	HỌ VÀ TÊN	DT THỰC TẾ THU HỒI (M2)	SỐ TIỀN BÔI THƯỜNG	TRONG ĐÓ		SỐ TIỀN HỖ TRỢ	TỔNG CỘNG SỐ TIỀN BÔI THƯỜNG VÀ HỖ TRỢ (LÀM TRÒN)	TRONG ĐÓ		Ghi chú
					ĐẤT	VẬT KIẾN TRÚC			CHỦ HỘ ĐƯỢC HƯỞNG (Đ)	NỘP NGÂN SÁCH ĐỊA PHƯƠNG (Đ)	
17	387/01	Vũ Thị Hồng Vân	-	2.030.000	-	2.030.000	-	2.030.000	2.030.000		Đất hành lang đường
18	355/01	Phạm Đình Đại	-	7.957.000	-	7.957.000	-	7.957.000	7.957.000		Đất hành lang đường
19	353/01	Phạm Văn Hoàn Bùi Thị Đảm	-	1.820.000	-	1.820.000	-	1.820.000	1.820.000		Đất hành lang đường
20	366/01	Vũ Minh Tuấn Nguyễn Thị Cúc	-	1.186.000	-	1.186.000	-	1.186.000	1.186.000		Đất hành lang đường
21	345/01	Nguyễn Văn Sinh Trần Thị Thực	-	5.131.000	-	5.131.000	-	5.131.000	5.131.000		Đất hành lang đường
22	368/01	Phạm Ngọc Vỹ Tô Thị Mai Hiền	-	1.117.000	-	1.117.000	-	1.117.000	1.117.000		Đất hành lang đường
23	341+342/01	Nguyễn Đăng Vương Hoàng Thị Yến	-	10.562.000	-	10.562.000	-	10.562.000	10.562.000		Đất hành lang đường
24	339/01	Nguyễn Văn Là	-	2.657.000	-	2.657.000	-	2.657.000	2.657.000		Đất hành lang đường
25	344/01	Hoàng Thị Thúy	-	3.259.000	-	3.259.000	-	3.259.000	3.259.000		Đất hành lang đường
26	362/01	Nguyễn Văn Yên	-	5.954.000	-	5.954.000	-	5.954.000	5.954.000		Đất hành lang đường
27	386/01	Phạm Thị Nhung	-	3.215.000	-	3.215.000	-	3.215.000	3.215.000		Đất hành lang đường
28	354/01	Nguyễn Đức Sơn Cao Thị Kim Ngân	-	2.080.000	-	2.080.000	-	2.080.000	2.080.000		Đất hành lang đường
29	343/01	Nguyễn Đức Quang	-	3.543.000	-	3.543.000	-	3.543.000	3.543.000		Đất hành lang đường
30	358/01	Nguyễn Văn Tuyển Đỗ Thị Tươi	-	8.068.000	-	8.068.000	-	8.068.000	8.068.000		Đất hành lang đường
31	349/01	Nguyễn Văn Thuấn Đào Thị Kim Dung	-	1.884.000	-	1.884.000	-	1.884.000	1.884.000		Đất hành lang đường
32	376/01	Nguyễn Thị Đông	-	4.150.000	-	4.150.000	-	4.150.000	4.150.000		Đất hành lang đường
33	365/01	Nguyễn Thị Hiền	-	2.442.000	-	2.442.000	-	2.442.000	2.442.000		Đất hành lang đường
34	352/01	Ngô Thị Hồng Hạnh	-	1.820.000	-	1.820.000	-	1.820.000	1.820.000		Đất hành lang đường
35	380+381/01	Nguyễn Văn Tĩnh	-	9.658.000	-	9.658.000	-	9.658.000	9.658.000		Đất hành lang đường
36	395/01	Nguyễn Văn Hà Nguyễn Thị Nhân	-	8.483.000	-	8.483.000	-	8.483.000	8.483.000		Đất hành lang đường

SỐ TT	THỬA/BÁN ĐÓ	HỌ VÀ TÊN	DT THỰC TẾ THU HỒI (M2)	SỐ TIỀN BỒI THƯỜNG	TRONG ĐÓ		SỐ TIỀN HỖ TRỢ	TỔNG CỘNG SỐ TIỀN BỒI THƯỜNG VÀ HỖ TRỢ (LÀM TRÒN)	TRONG ĐÓ		Ghi chú
					ĐẤT	VẬT KIẾN TRÚC			CHỦ HỘ ĐƯỢC HƯỞNG (Đ)	NỘP NGÂN SÁCH ĐỊA PHƯƠNG (Đ)	
37	382/01	Dương Bích Thảo	-	4.132.000	-	4.132.000	-	4.132.000	4.132.000		Đất hành lang đường
38	397/01	Đàm Xuân Tứ	-	17.511.000	-	17.511.000	-	17.511.000	17.511.000		Đất hành lang đường
39	393+392 / 01	Nguyễn Văn Tùng Nguyễn Thị Kim Nhung	-	18.731.000	-	18.731.000	-	18.731.000	18.731.000		Đất hành lang đường
40	385/01	Nguyễn Thị Hiền	-	5.215.000	-	5.215.000	-	5.215.000	5.215.000		Đất hành lang đường
41	333/01	Phạm Văn Vịnh	-	4.768.000	-	4.768.000	-	4.768.000	4.768.000		Đất hành lang đường
42	367/01	Nguyễn Hữu Thạch	-	11.396.000	-	11.396.000	-	11.396.000	11.396.000		Đất hành lang đường
43	359/01	Đàm Văn Tùng Phạm Thị Thủy	-	3.444.000	-	3.444.000	-	3.444.000	3.444.000		Đất hành lang đường
44	338/01	Phạm Văn Đoan	-	7.167.000	-	7.167.000	-	7.167.000	7.167.000		Đất hành lang đường
45	360+361 / 01	Vũ Quang Đức	-	6.455.000	-	6.455.000	-	6.455.000	6.455.000		Đất hành lang đường
46	340/ 01	Nguyễn Văn Cảnh Phan Thị Lương	-	3.130.000	-	3.130.000	-	3.130.000	3.130.000		Đất hành lang đường
47	383+384 +332/ 01	Phạm Trọng Thường	-	13.212.000	-	13.212.000	-	13.212.000	13.212.000		Đất hành lang đường
48	356/01	Ngô Thị Nam	-	3.641.000	-	3.641.000	-	3.641.000	3.641.000		Đất hành lang đường
49	364/01	Nguyễn Văn Nghiên	-	2.171.000	-	2.171.000	-	2.171.000	2.171.000		Đất hành lang đường
50	369+379	Nguyễn Văn Truyền Nguyễn Thị Huê	-	3.359.000	-	3.359.000	-	3.359.000	3.359.000		Đất hành lang đường
51	328/01	Tô Thị Hương	-	3.321.000	-	3.321.000	-	3.321.000	3.321.000		Đất hành lang đường
52		Nguyễn Văn Thọ	-	20.296.000	-	20.296.000	-	20.296.000	20.296.000		Đất hành lang đường
53	373/01	Nguyễn Văn Khi Nguyễn Thị Kim Hoa	6,6	104.710.687	78.243.000	26.467.687	-	104.711.000	104.711.000		
Cộng			6,6	442.123.687	78.243.000	363.880.687	-	442.124.000	442.124.000	-	
Kinh phí thực hiện công tác bồi thường, GPMB 4%								17.685.000			
TỔNG CỘNG								459.809.000			